



Số: 025524/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25863.25



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : SỐ 539B, KHU PHỐ THANH HỮU, PHƯỜNG SƠN ĐÔNG, TỈNH VĨNH LONG
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Hóa
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AH)
Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Lượng mẫu : 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 19/08/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Người nhận mẫu : Trần Duy Trâm Anh
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025-25/08/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AH) có chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26-08-2025....

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. Nguyễn Quốc Tuấn

Số: 0122.25 /KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 8 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0848.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Hóa
Ngày lấy mẫu : 13/8/2028
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 15,5 L
Ngày nhận mẫu : 13/8/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai nhựa 500ml và bình nhựa 10 lít, 5 lít, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày thử nghiệm
1	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3	18/08/2025
2	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	55,0	≤ 300	18/08/2025
3	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	250	≤ 1000	18/08/2025
4	Hàm lượng Thủy ngân (mg/l)	SMEWW 3112B (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,0002 mg/l	≤ 0,001	15/08/2025
5	Hàm lượng Kẽm (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2	18/08/2025
6	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/L	≤ 0,05	15/08/2025
7	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	< LOQ = 0,03mgN/l	≤ 1	15/08/2025
8	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2	18/08/2025
9	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	23,4	≤ 250	18/08/2025
10	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,9	15/08/2025
11	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	9,78	≤ 250	18/08/2025
12	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1	18/08/2025
13	Hàm lượng Đồng (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 1	18/08/2025
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,30	≤ 11	15/08/2025

15	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 1,5	15/08/2025
16	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	7,60	≤ 200	19/08/2025
17	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1	13/08/2025
18	Hàm lượng Atimon (mg/l)	Ref. SMEWW 3125B - 2017 (ICP-MS) (a)	< 0,0005	≤ 0,02	26/08/2025
19	Hàm lượng Cyanua (mg/l)	SMEWW 4500-CN-E-2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
20	Hàm lượng Crom (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
21	Hàm lượng Nhôm (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	< 0,050 mg/l	≤ 0,2	26/08/2025
22	Hàm lượng Nicken (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2019 (a)	Không phát hiện LOD = 0,004 mg/l	≤ 0,07	26/08/2025
23	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Bq/l)	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện LOD = 0,025 Bq/l	≤ 0,1	26/08/2025
24	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2,4	26/08/2025
25	Hàm lượng Bari (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	< 0,05 mg/l	≤ 1,3	26/08/2025
26	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,003	26/08/2025
27	Hàm lượng Pb(mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01	26/08/2025
28	Hàm lượng Se (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS : 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,04	26/08/2025
29	1,1,1 – Tricloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 2000	26/08/2025
30	1,2 – Dicloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 30	26/08/2025
31	1,2 – Dicloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 50	26/08/2025
32	Cacbonetetraclorea (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
33	Diclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 20	26/08/2025
34	Tetracloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 40	26/08/2025
35	Tricloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 8	26/08/2025
36	Vinyl clorua (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,05 µg/l	≤ 0,3	26/08/2025
37	Benzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
38	Etylbenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 300	26/08/2025

39	Styren (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 20	26/08/2025
40	Toluen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 700	26/08/2025
41	Xylen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 500	26/08/2025
42	1,2 – Diclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 1000	26/08/2025
43	Monoclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 300	26/08/2025
44	Tổng Trichlorobenzene (µg/l)	HD.PP.78/TT.SK: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
45	Acrylamide (µg/l)	HD.PP.111/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,15 µg/l	≤ 0,5	26/08/2025
46	Epichlorhydrin (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,06 µg/l	≤ 0,4	26/08/2025
47	Hexachloro butadien (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,04 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
48	1,2 – Dibromo – 3 Cloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 1	26/08/2025
49	1,2 – Dicloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 40	26/08/2025
50	1,3 - Dicloropropen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
51	2,4 – D (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 2,00 µg/l	≤ 30	26/08/2025
52	2,4 – DB (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 90	26/08/2025
53	Alachlor (µg/l)	EPA.Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
54	Aldicarb (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (µg/l)	EPA Method 536:2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 100	26/08/2025
56	Carbofuran (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 5	26/08/2025
57	Chlorpyrifos (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 30	26/08/2025
58	Clodane (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2	26/08/2025
59	Clorotoluron (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 30	26/08/2025
60	Cyanazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
61	DDT và các dẫn xuất (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 1	26/08/2025

TÂM
SOÁT
TẬT

62	Dichlorprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 100	26/08/2025
63	Fenoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 9	26/08/2025
64	Hydroxyatrazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 200	26/08/2025
65	Isoproturon (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 9	26/08/2025
66	MCPA (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
67	Mecoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 10	26/08/2025
68	Methoxyclor (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
69	Molinate (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 6	26/08/2025
70	Pendimetalin (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
71	Permethrin (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
72	Propanil (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 20	26/08/2025
73	Simazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 2	26/08/2025
74	Trifuralin (µg/l)	SMEWW 6630 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
75	2,4,6-Trichlorophenol (µg/l)	HD.PP.46/KXN.LH:2021 (Ref.EPA 604)(a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 200	26/08/2025
76	Bromat (µg/l)	Method 300.1 EPA : 1999 (a)	Không phát hiện LOD = 3,00 µg/l	≤ 10	26/08/2025
77	Bromodiclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	18,9	≤ 60	26/08/2025
78	Bromoform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	2,0	≤ 100	26/08/2025
79	Cloroform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	18,8	≤ 300	26/08/2025
80	Dibromoclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	6,51	≤ 100	26/08/2025
81	Acid trichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	< 40 µg/l	≤ 200	26/08/2025
82	Acid dichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137.KXN.LH: 2023 (a)	< 10 µg/l	≤ 50	26/08/2025
83	Acid Monochloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 4,0 µg/l	≤ 20	26/08/2025
84	Formaldehyt (µg/l)	EPA Method 8315A : 1996 (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/l	≤ 500	26/08/2025
85	Monocloramin (µg/l)	SMEWW 4500-Cl-F : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 50 µg/l	≤ 3000	26/08/2025

86	Dicloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	3,54	≤ 20	26/08/2025
87	Dibromoaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	$< 1,20 \mu\text{g/l}$	≤ 70	26/08/2025
88	Tricloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	Không phát hiện LOD = $0,01 \mu\text{g/l}$	≤ 1	26/08/2025
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Bq/l)	ISO 10704 : 2019 (a)	$< 0,150 \text{ Bq/l}$	$\leq 1,0$	26/08/2025
90	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$) ($\mu\text{g/l}$)	HD.PP.46/KXN.LH:2021(Ref : EPA Method 604:1984)(a)	Không phát hiện LOD = $0,30 \mu\text{g/l}$	≤ 9	26/08/2025

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(a) Phép thử do Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh thực hiện

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu xét nghiệm đạt theo QCVN 01-1 : 2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM ĐỒ CHỨC NĂNG


Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu





Số: 025525 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25864.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : SỐ 539B, KHU PHỐ THANH HỮU, PHƯỜNG SƠN ĐÔNG, TỈNH VĨNH LONG
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Phước
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AP)
Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Lượng mẫu : 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 19/08/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Người nhận mẫu : Trần Duy Trâm Anh
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025-25/08/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AP) có chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26-08-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM


*ThS. Nguyễn Quốc Tuấn

Số: 0122.25 /KSBT-XN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0849.25

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Phước
Ngày lấy mẫu : 13/8/2025
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Lượng mẫu : 15,5 L
Ngày nhận mẫu : 13/8/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai nhựa 500ml và bình nhựa 10 lít, 5 lít, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày thử nghiệm
1	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	$\leq 0,3$	18/08/2025
2	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	63,0	≤ 300	18/08/2025
3	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023) (*)	265	≤ 1000	18/08/2025
4	Hàm lượng Thủy ngân (mg/l)	SMEWW 3112B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0002 mg/l	$\leq 0,001$	15/08/2025
5	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/L	$\leq 0,05$	15/08/2025
6	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023) (*)	< LOQ = 0,03mgN/l	≤ 1	15/08/2025
7	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2	18/08/2025
8	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	31,2	≤ 250	18/08/2025
9	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	$\leq 0,9$	15/08/2025
10	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	9,44	≤ 250	18/08/2025
11	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	$\leq 0,1$	18/08/2025
12	Hàm lượng Đồng (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 1	18/08/2025
13	Hàm lượng Kẽm (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2	18/08/2025
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,40	≤ 11	15/08/2025

15	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 1,5	15/08/2025
16	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	11,6	≤ 200	19/08/2025
17	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	≤ 1	13/08/2025
18	Hàm lượng Atimon (mg/l)	Ref. SMEWW 3125B - 2017 (ICP-MS) (a)	< 0,0005	≤ 0,02	26/08/2025
19	Hàm lượng Crom (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
20	Hàm lượng Nhôm (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	0,073	≤ 0,2	26/08/2025
21	Hàm lượng Nicken (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,004 mg/l	≤ 0,07	26/08/2025
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Bq/l)	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện LOD = 0,025 Bq/l	≤ 0,1	26/08/2025
23	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2,4	26/08/2025
24	Hàm lượng Bari (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	< 0,05	≤ 1,3	26/08/2025
25	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,003	26/08/2025
26	Hàm lượng Pb(mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01	26/08/2025
27	Hàm lượng Cyanua (mg/l)	SMEWW 4500-CN ⁻ E - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
28	Hàm lượng Se (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS : 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,04	26/08/2025
29	1,1,1 – Tricloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 2000	26/08/2025
30	1,2 – Dicloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 30	26/08/2025
31	1,2 – Dicloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 50	26/08/2025
32	Cacbontetraclorua (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
33	Diclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 20	26/08/2025
34	Tetracloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 40	26/08/2025
35	Tricloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 8	26/08/2025
36	Vinyl clorua (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,05 µg/l	≤ 0,3	26/08/2025
37	Benzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
38	Etylbenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 300	26/08/2025

39	Styren (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 20	26/08/2025
40	Toluen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 700	26/08/2025
41	Xylen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 500	26/08/2025
42	1,2 – Diclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 1000	26/08/2025
43	Monoclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 300	26/08/2025
44	Tổng Trichlorobenzene (µg/l)	HD.PP.78/TT.SK: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
45	Acrylamide (µg/l)	HD.PP.111/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,15 µg/l	≤ 0,5	26/08/2025
46	Epiclohydrin (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,06 µg/l	≤ 0,4	26/08/2025
47	Hexaclo butadien (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,04 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
48	1,2 – Dibromo – 3 Cloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 1	26/08/2025
49	1,2 – Dicloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 40	26/08/2025
50	1,3 - Dicloropropen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
51	2,4 – D (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 2,00 µg/l	≤ 30	26/08/2025
52	2,4 – DB (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 90	26/08/2025
53	Alachlor (µg/l)	EPA.Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
54	Aldicarb (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (µg/l)	EPA Method 536:2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 100	26/08/2025
56	Carbofuran (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 5	26/08/2025
57	Chlorpyrifos (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 30	26/08/2025
58	Clodane (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2	26/08/2025
59	Clorotoluron (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 30	26/08/2025
60	Cyanazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
61	DDT và các dẫn xuất (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 1	26/08/2025

ÂM
C
QUAT
TAT
*

62	Dichlorprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 100	26/08/2025
63	Fenoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 9	26/08/2025
64	Hydroxyatrazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 200	26/08/2025
65	Isoproturon (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 9	26/08/2025
66	MCPA (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
67	Mecoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 10	26/08/2025
68	Methoxyclor (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
69	Molinate (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 6	26/08/2025
70	Pendimetalin (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
71	Permethrin (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
72	Propanil (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 20	26/08/2025
73	Simazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 2	26/08/2025
74	Trifuralin (µg/l)	SMEWW 6630 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
75	2,4,6-Trichlorophenol (µg/l)	HD.PP.46/KXN.LH:2021 (Ref.EPA 604)(a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 200	26/08/2025
76	Bromat (µg/l)	Method 300.1 EPA : 1999 (a)	Không phát hiện LOD = 3,00 µg/l	≤ 10	26/08/2025
77	Bromodiclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	10,7	≤ 60	26/08/2025
78	Bromoform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	< 2,0	≤ 100	26/08/2025
79	Cloroform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	8,96	≤ 300	26/08/2025
80	Dibromoclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	4,47	≤ 100	26/08/2025
81	Acid trichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	< 40	≤ 200	26/08/2025
82	Acid dichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137.KXN.LH: 2023 (a)	< 10	≤ 50	26/08/2025
83	Acid Monochloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 4,00 µg/l	≤ 20	26/08/2025
84	Formaldehyt (µg/l)	EPA Method 8315A : 1996 (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/l	≤ 500	26/08/2025
85	Monocloramin (µg/l)	SMEWW 4500-Cl-F : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 50 µg/l	≤ 3000	26/08/2025

86	Dicloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	1,38	≤ 20	26/08/2025
87	Dibromoaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	$< 1,20$	≤ 70	26/08/2025
88	Tricloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	Không phát hiện LOD = 0,01 $\mu\text{g/l}$	≤ 1	26/08/2025
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Bq/l)	ISO 10704 : 2019 (a)	$< 0,150$	$\leq 1,0$	26/08/2025
90	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$) ($\mu\text{g/l}$)	HD.PP.46/KXN.LH:2021(Ref : EPA Method 604:1984)(a)	Không phát hiện LOD = 0,30 $\mu\text{g/l}$	≤ 9	26/08/2025

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(a) Phép thử do Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh thực hiện

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu xét nghiệm đạt theo QCVN 01-1 : 2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu





Số: 025526 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25865.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ : SỐ 539B, KHU PHỐ THẠNH HỮU, PHƯỜNG SƠN ĐÔNG, TỈNH VĨNH LONG
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Hiệp
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AHİ)
Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Lượng mẫu : 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 19/08/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh
Người nhận mẫu : Trần Duy Trâm Anh
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025-25/08/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ (MSM: AHİ) có chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26-08-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. Nguyễn Quốc Tuấn

Số: 0122.25 /KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 9 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 0850.25



VILAS 502

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long

Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh

Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước An Hiệp

Ngày lấy mẫu : 13/8/2025

Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ

Lượng mẫu : 15,5 L

Ngày nhận mẫu : 13/8/2025

Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai nhựa 500ml và bình nhựa 10 lít, 5 lít, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày thử nghiệm
1	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3	18/08/2025
2	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	69,0	≤ 300	18/08/2025
3	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023) (*)	270	≤ 1000	18/08/2025
4	Hàm lượng Thủy ngân (mg/l)	SMEWW 3112B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0002 mg/l	≤ 0,001	15/08/2025
5	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/L	≤ 0,05	15/08/2025
6	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023) (*)	< LOQ = 0,03mgN/l	≤ 1	15/08/2025
7	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2	18/08/2025
8	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	26,9	≤ 250	18/08/2025
9	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,9	15/08/2025
10	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	10,6	≤ 250	18/08/2025
11	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1	18/08/2025
12	Hàm lượng Đồng (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 1	18/08/2025
13	Hàm lượng Kẽm (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2	18/08/2025
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,30	≤ 11	15/08/2025

15	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 1,5	15/08/2025
16	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	11,9	≤ 200	19/08/2025
17	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1	13/08/2025
18	Hàm lượng Atimon (mg/l)	Ref. SMEWW 3125B - 2017 (ICP-MS) (a)	< 0,0005	≤ 0,02	26/08/2025
19	Hàm lượng Crom (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
20	Hàm lượng Nhôm (mg/l)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	< 0,050	≤ 0,2	26/08/2025
21	Hàm lượng Nicken (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,004 mg/l	≤ 0,07	26/08/2025
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Bq/l)	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện LOD = 0,025 Bq/l	≤ 0,1	26/08/2025
23	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 2,4	26/08/2025
24	Hàm lượng Bari (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS:2023 (a)	< 0,05	≤ 1,3	26/08/2025
25	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,003	26/08/2025
26	Hàm lượng Pb(mg/l)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01	26/08/2025
27	Hàm lượng Cyanua (mg/l)	SMEWW 4500-CN ⁻ E - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/l	≤ 0,05	26/08/2025
28	Hàm lượng Se (mg/l)	HD.PP.21/TT.AAS : 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,04	26/08/2025
29	1,1,1 – Tricloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 2000	26/08/2025
30	1,2 – Dicloroetan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 30	26/08/2025
31	1,2 – Dicloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 50	26/08/2025
32	Cacbonetetraclorea (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
33	Diclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 20	26/08/2025
34	Tetracloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 40	26/08/2025
35	Tricloroeten (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 8	26/08/2025
36	Vinyl clorua (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,05 µg/l	≤ 0,3	26/08/2025
37	Benzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
38	Etylbenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 300	26/08/2025

39	Styren (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 20	26/08/2025
40	Toluen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 700	26/08/2025
41	Xylen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 500	26/08/2025
42	1,2 – Diclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 1000	26/08/2025
43	Monoclorobenzen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014(a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 300	26/08/2025
44	Tổng Trichlorobenzene (µg/l)	HD.PP.78/TT.SK: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
45	Acrylamide (µg/l)	HD.PP.111/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,15 µg/l	≤ 0,5	26/08/2025
46	Epiclohydrin (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,06 µg/l	≤ 0,4	26/08/2025
47	Hexacloro butadien (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,04 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
48	1,2 – Dibromo – 3 Cloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 1	26/08/2025
49	1,2 – Dicloropropan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 40	26/08/2025
50	1,3 - Dicloropropen (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
51	2,4 – D (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 2,00 µg/l	≤ 30	26/08/2025
52	2,4 – DB (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 90	26/08/2025
53	Alachlor (µg/l)	EPA.Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 20	26/08/2025
54	Aldicarb (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 10	26/08/2025
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (µg/l)	EPA Method 536:2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,40 µg/l	≤ 100	26/08/2025
56	Carbofuran (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	≤ 5	26/08/2025
57	Chlorpyrifos (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 30	26/08/2025
58	Clodane (µg/l)	SMEWW 6630-B:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2	26/08/2025
59	Clorotoluron (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 30	26/08/2025
60	Cyanazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6	26/08/2025
61	DDT và các dẫn xuất (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 1	26/08/2025

H
TÂM
SOÁT
H TẬT
*

62	Dichlorprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7,00 µg/l	≤ 100	26/08/2025
63	Fenoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 9	26/08/2025
64	Hydroxyatrazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 200	26/08/2025
65	Isoproturon (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 9	26/08/2025
66	MCPA (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,20 µg/l	≤ 2	26/08/2025
67	Mecoprop (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,70 µg/l	≤ 10	26/08/2025
68	Methoxyclor (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
69	Molinate (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 6	26/08/2025
70	Pendimetalin (µg/l)	SMEWW 6630B : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
71	Permethrin (µg/l)	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 5 µg/l	≤ 20	26/08/2025
72	Propanil (µg/l)	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 20	26/08/2025
73	Simazine (µg/l)	EPA Method 536 : 2007 (a)	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 2	26/08/2025
74	Trifuralin (µg/l)	SMEWW 6630 B - 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20	26/08/2025
75	2,4,6-Trichlorophenol (µg/l)	HD.PP.46/KXN.LH:2021 (Ref.EPA 604)(a)	Không phát hiện LOD = 1,50 µg/l	≤ 200	26/08/2025
76	Bromat (µg/l)	Method 300.1 EPA : 1999 (a)	Không phát hiện LOD = 3,00 µg/l	≤ 10	26/08/2025
77	Bromodiclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	12,2	≤ 60	26/08/2025
78	Bromoform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	< 2,0	≤ 100	26/08/2025
79	Cloroform (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D : 2018 (a)	9,66	≤ 300	26/08/2025
80	Dibromoclorometan (µg/l)	EPA Method 5021A: 2014; EPA Method 8260D: 2018 (a)	4,53	≤ 100	26/08/2025
81	Acid trichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	< 40	≤ 200	26/08/2025
82	Acid dichloroacetic (µg/l)	HD.PP.137.KXN.LH: 2023 (a)	< 10	≤ 50	26/08/2025
83	Acid Monochloroacetic (µg/l)	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 4,00 µg/l	≤ 20	26/08/2025
84	Formaldehyt (µg/l)	EPA Method 8315A : 1996 (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/l	≤ 500	26/08/2025
85	Monocloramin (µg/l)	SMEWW 4500-Cl-F : 2023 (a)	Không phát hiện LOD = 50 µg/l	≤ 3000	26/08/2025

86	Dicloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	1,23	≤ 20	26/08/2025
87	Dibromoaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	$< 1,20$	≤ 70	26/08/2025
88	Tricloroaxetonitril ($\mu\text{g/l}$)	EPA 551.1 : 1995(a)	Không phát hiện LOD = 0,01 $\mu\text{g/l}$	≤ 1	26/08/2025
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Bq/l)	ISO 10704 : 2019 (a)	$< 0,150$	$\leq 1,0$	26/08/2025
90	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$) ($\mu\text{g/l}$)	HD.PP.46/KXN.LH:2021(Ref : EPA Method 604:1984)(a)	Không phát hiện LOD = 0,30 $\mu\text{g/l}$	≤ 9	26/08/2025

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(a) Phép thử do Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh thực hiện.

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu xét nghiệm đạt theo QCVN 01-1 : 2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

ĐỒNG THÁP